BTS
BAO TIN STEEL CO.,LTD
www.thepbaotin.com.vn

THÉP BẢO TÍN

GIÁP VĂN TRƯỜNG
0932 059 176

CÔNG TY TNHH THÉP BẢO TÍN
Mã Số Thuế: 0311458762
Trụ sở chính: 136 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Cửa hàng: 100 Trần Thị Cờ, Phường Thới An, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Email: thepbaotin@gmail.com Tel: (08) 6259 3033 Fax: (08) 6259 3038

VG PIPE®

ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC

ĐẲNG CẤP CHÂU ÂU

VIETNAM GERMANY STEEL PIPE.J.S.C

EUROPEAN STANDARD

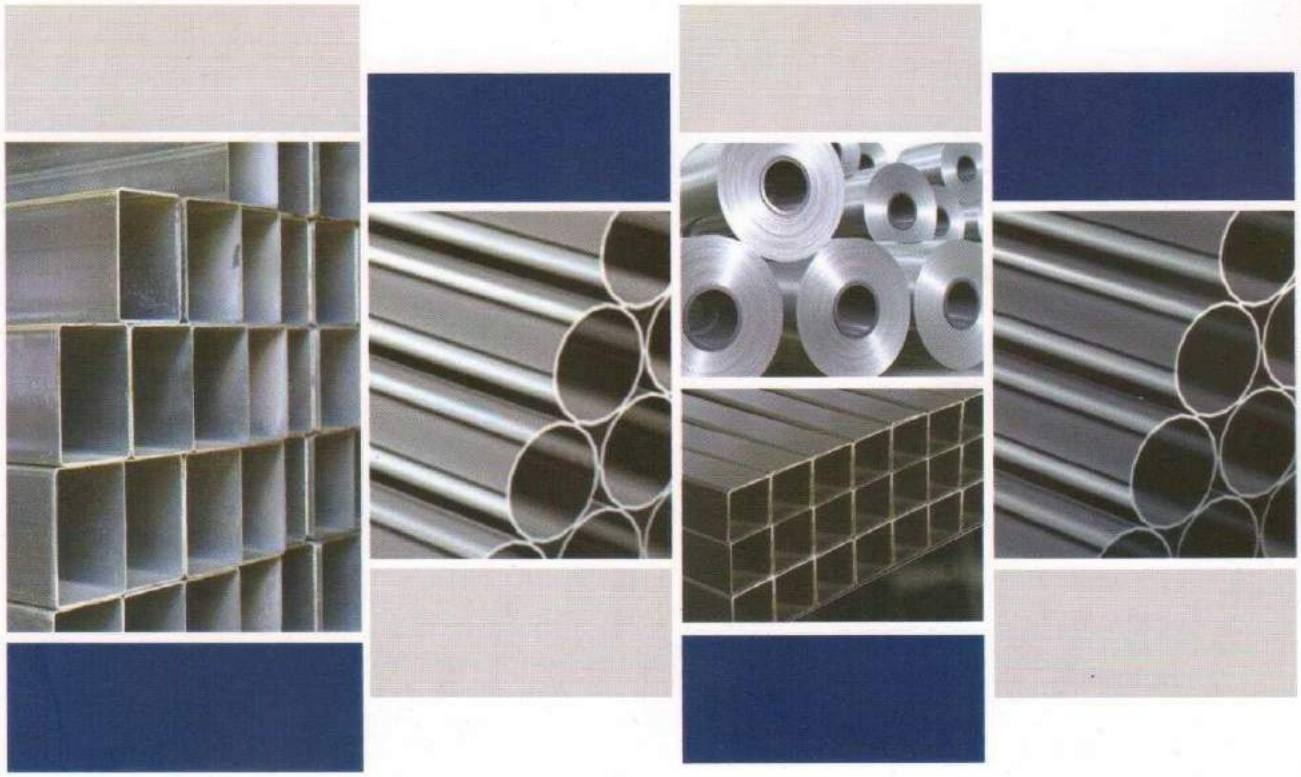

QUACERT JAS-ANZ

ISO 9001:2008

mục lục

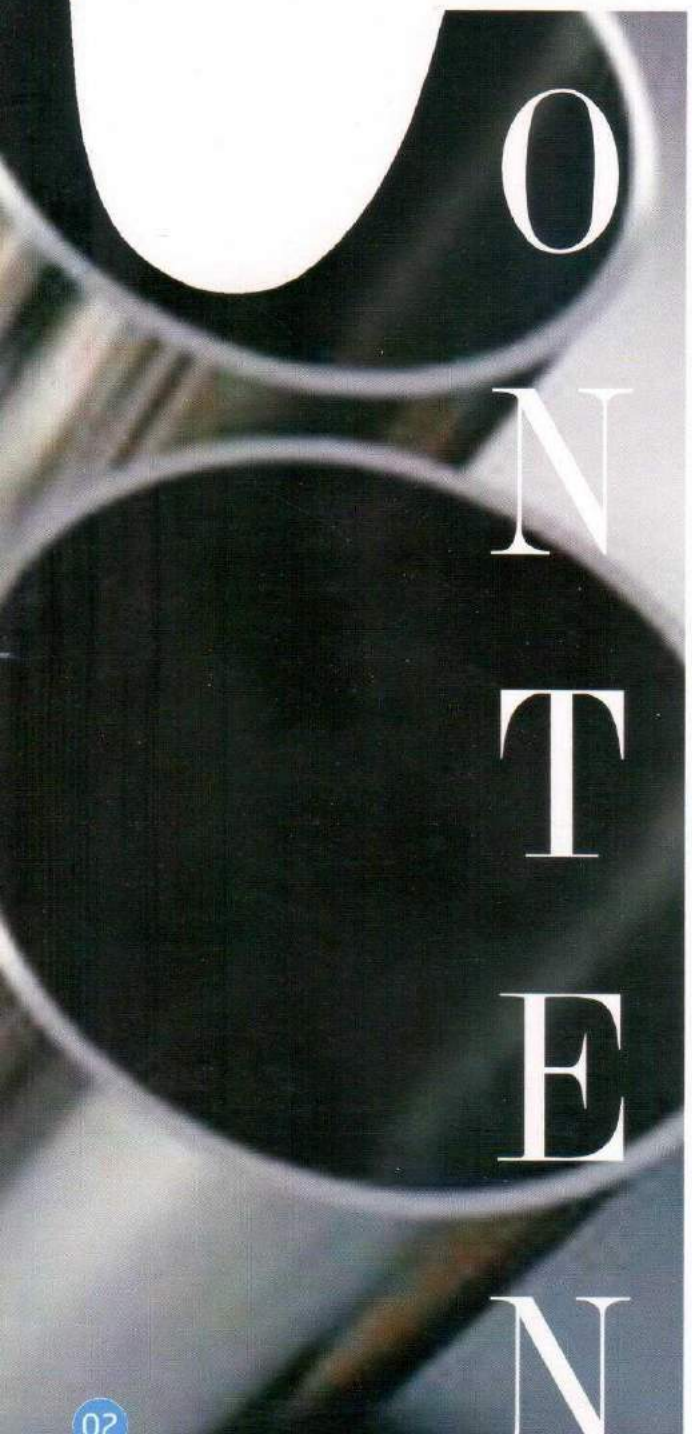

TRANG / PAGE

1. BÌA / COVER

2. MỤC LỤC / CONTENT

3. GIỚI THIỆU CÔNG TY / OVER VIEW

4 - 5. TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC / BUSINESS CULTURE

6 - 7 - 8. DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ / TECHNOLOGY

9. QUY TRÌNH SẢN XUẤT / PRODUCTION PROCESS

10 - 11. SẢN PHẨM / PRODUCTS

12 - 13. ỨNG DỤNG SẢN PHẨM / APPICATIONS

14 - 15. DỰ ÁN / PROJECT

16. CHỨNG NHẬN / CERTIFICATE

17. THÀNH TỰU / ACHIEVEMENT

18 - 22. BẢNG QUY CHUẨN TRỌNG LƯỢNG

AVAILABLE SIZE RANGE & UNIT WEIGHT

23. CÁC LĨNH VỰC KHÁC CỦA CÔNG TY

FIELD OF ACTION

- MẠNG LƯỚI PHÂN PHỐI

DISTRIBUTION NETWORK

BTS
BAO TIN STEEL CO.,LTD
www.thepbaotin.com.vn

THÉP BẢO TÍN

GIÁP VĂN TRƯỜNG
0932 059 176

CÔNG TY TNHH THÉP BẢO TÍN
Mã Số Thuế: 0311458762
Trụ sở chính: 136 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Cửa hàng: 100 Trần Thị Cờ, Phường Thới An, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Email: thepbaotin@gmail.com Tel: (08) 6259 3033 Fax: (08) 6259 3038

Giới thiệu công ty
OVERVIEW

- Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE được thành lập từ năm 2002 trên diện tích 18ha tại KCN Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

- Vietnam Germany Steel Pipe Joint Stock Company Founded in 2002 on an area of 18 hectares in Binh Xuyen Industrial Zone at Vinh Phuc province.

- Năm 2008, Cổ phiếu của Ống Thép Việt Đức chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là VGS .

- In 2008, Vietnam Germany Steel stock was aforinal put up Ha Noi stock exchange with stock exchange symbol VGS

- Ống Thép Việt Đức là doanh nghiệp lớn hàng đầu tại Việt Nam, chuyên sản xuất, cung ứng các sản phẩm Ống thép hàn đen; Ống mạ kẽm nhúng nóng; Ống tôn mạ kẽm, Tôn cuộn mạ kẽm và Tôn cán nguội mặt đen.

- Vietnam Germany Steel Pipe is a leading steel manufacture at Viet Nam, VGPIPE product black steel pipes, hot-dipped galvanized steel pipe, Zinc-coated steel pipes, hot-dipped galvanized rolled coils, and cold rolled coils.

- Các sản phẩm của Ống Thép Việt Đức được sản xuất trên dây chuyền hiện đại, đạt tiêu chuẩn chất lượng trong nước và quốc tế.

- Vietnam Germany Steel Pipe products comply with modern line, reach international standards.

- Ống thép Việt Đức đang sở hữu 19 dây chuyền sản xuất Ống thép, tôn cán nguội và Tôn mạ kẽm với công suất 450.000tấn/năm

- VGPIPE operates 19 steel pipe, cold rolled coils and hot-dipped galvanized steel making lines with annual capacity 450,000 tons/year

- Sản phẩm Ống Thép Việt Đức đã có mặt trong hầu hết các công trình trọng điểm quốc gia, góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại Việt Nam

- Vietnam Germany Steel Pipe Products have been supplied to many leading projects national wide, contributing to modernization-industrialization achievements at Vietnam.

STRATE

Thế kỷ 21 là thế kỷ của cạnh tranh và hội nhập nền kinh tế toàn cầu. Điều này mang tới thách thức cũng như cơ hội lớn để VG PIPE khẳng định giá trị cốt lõi của mình trên nguyên tắc phát triển tích cực mang tính bền vững:

1. VG PIPE sẽ tạo dựng thành một tập đoàn sản xuất Thép hàng đầu Việt Nam mang thương hiệu toàn cầu.

2. VG PIPE luôn khẳng định là nhà tiên phong trong lĩnh vực sản xuất, cung ứng ống thép và các sản phẩm từ thép. Thương hiệu Ống thép Việt Đức sẽ là thương hiệu mạnh và dẫn đầu trong cạnh tranh.

3. Đẩy mạnh và phát triển mở rộng thị trường trong nước và hướng tới các thị trường xuất khẩu tiềm năng cao như Châu Âu, Bắc Mỹ, Châu Đại Dương, Trung Đông...

4. Không ngừng đầu tư, nâng cao công nghệ, kỹ thuật và phương tiện trong sản xuất để đáp ứng tốt về chất lượng theo đúng tiêu chuẩn cũng như đa dạng hóa các sản phẩm cho thị trường.

5. Kiểm soát nghiêm ngặt hoạt động quản lý và sản xuất bằng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008. Vì mục tiêu phát triển bền vững, thân thiện với môi trường, VG PIPE đang hướng tới hoàn thiện việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng môi trường ISO14000.

Tầm nhìn chiến lược

GIC VISION

The century 21st is century of competitiveness and integrating process into global economy creates challenges while establishing great oppor-tunities to VGPIPE in assure its core values which was build base on positive and stable developmental principles:

1. Creating Vietnam's leading steel Production group globally.

2. VGPIPE always be the leader in manufacture and supplying pipes steel and products from steel. VGPIPE' Brand name will be strong brand name and leading in competitiveness.

3. Boost and development domestic market and we are looking for forward to expand our market share America, Europe, Middle East, And Oceania,...

4. Continous invest in state-of-the-art technologies and equipments to supply the widest range of products and standard to be applied.

5. Tightly manage manufacture processes according to quality Management system ISO 9001:2008. To create a stable development and environment friendly, VGPIPE is looking forward to apply environment quality management system ISO 14000.

BTS
BAO TIN STEEL CO.,LTD
www.thepbaotin.com.vn
THÉP BẢO TÍN
GIÁP VĂN TRƯỜNG
0932 059 176

TECHNOLOGY

Dây chuyền công nghệ

Hiện VG PIPE đang vận hành 15 dây chuyền sản xuất ống thép; 02 dây chuyền thép tôn cán nguội và 02 dây chuyền sản xuất Tôn mạ kẽm với công nghệ CHLB Đức, Hoa Kỳ và các nước phát triển, tổng công suất 450.000 tấn/năm, các sản phẩm bao gồm:

VGPIPE operates 15 steel pipe making lines, 02 cold rolled lines, 02 hot-dipped galvanized rolled coils according to Germany, US and development countries technology, with the annual capacity of 450,000 metric tons. Products include:

Dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng

Ống thép mạ kẽm nhúng nóng sản xuất theo tiêu chuẩn Anh quốc BS1387-1985, ASTM A53. Đường kính ống từ 21,2mm đến 219mm, độ dày từ 1,6mm đến 9,52mm.

ERW hot dipped galvanized steel pipes comply with BS 1387-1985, ASTM A53 standards. Outside diameter from 21.2 mm to 219 mm, wall thickness from 1.6mm up to 9.52 mm.

CÔNG TY TNHH THÉP BẢO TÍN
Mã Số Thuế: **0311458762**
Trụ sở chính: 136 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Cửa hàng: 100 Trần Thị Cờ, Phường Thới An, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Email: thepbaotin@gmail.com Tel: (08) 6259 3033 Fax: (08) 6259 3038

Ống thép tròn đen sản xuất theo tiêu chuẩn Anh quốc BS1387-1985, ASTM A53. Đường kính ống từ 12,7mm đến 219mm, độ dày từ 0,7mm đến 9,52mm.

ERW black round pipes comply with BS 1387-1985; ASTM A53 standard. Outside diameter from 12.7mm to 219mm, wall thickness from 0.7mm up to 9.52mm.

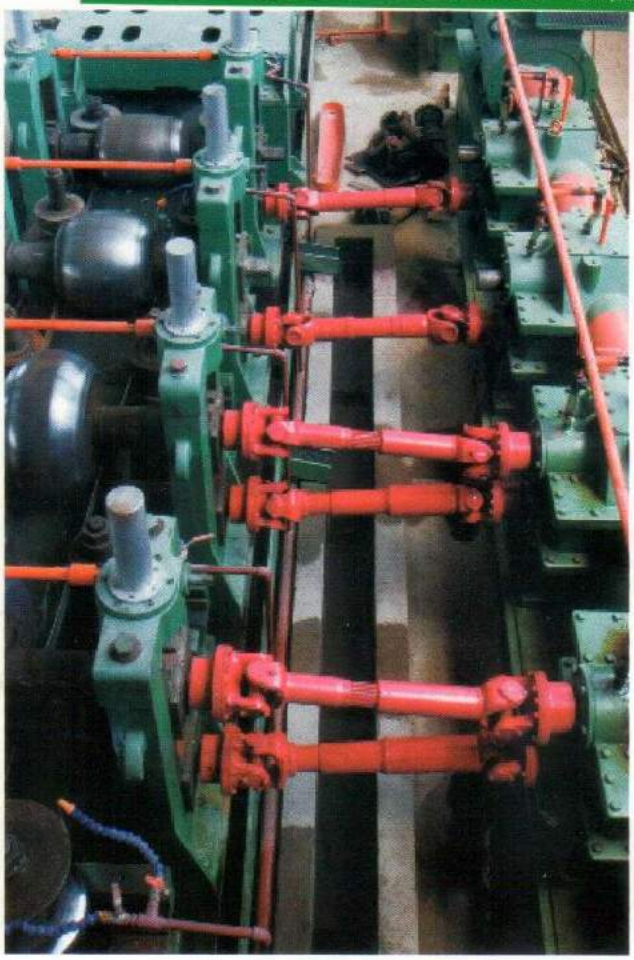

Dây chuyền uốn ống thép

Ống thép đen vuông và chữ nhật sản xuất theo tiêu chuẩn Mỹ ASTM A500, Hàn Quốc KS D3568-1986. Kích cỡ từ ống vuông 12mm x 12mm đến 100mm x 100mm; Ống hộp chữ nhật từ 13 x 26mm đến 75 x 150mm.

ERW black square and rectangular hollow section comply with KS D3568-1986, ASTM A500 standards. Dimension from 12x12mm to 100x100mm for square hollow section and from 13x26mm to 75x150mm for rectangular hollow section.

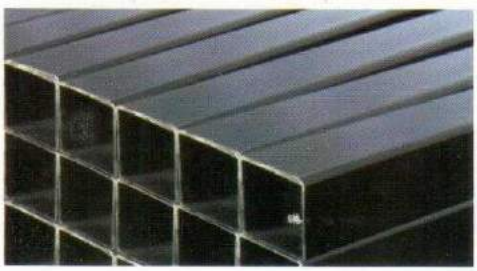

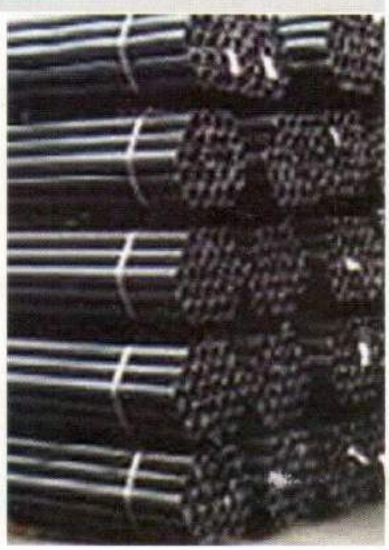

Ống tôn mạ kẽm bao gồm ống tròn; ống vuông và ống chữ nhật được sản xuất theo tiêu chuẩn Anh quốc BS1387-1985, ASTM A53. Đường kính ống từ 21,2mm đến 113,5mm; 14 x 14 đến 100x100 và 20x40 đến 50 x 100 độ dày từ 0,8mm đến 3,5mm.

ERW Zinc-coated steel pipes include round pipes, square pipes and rectangular pipes comply with BS 1387-1985, ASTM A53 standards. Dimension from 21.2mm to 113.5mm; 14x14 to 100x100, and 20x40 to 50x100, wall thickness from 0.8mm to 3.5mm.

Tôn cuộn mạ kẽm nhúng nóng sản xuất theo tiêu chuẩn JIS G3302:2010 có khổ rộng từ 350mm-750mm, độ dày từ 0,8mm – 3,5mm.

ERW Galvanized rolled coils comply with JIS G3302: 2010 width from 350mm to 750mm, wall thickness from 0.8 to 3.5 mm.

Tôn cuộn cán nguội mặt đen sản xuất theo tiêu chuẩn GB11253; JIS G3141 có khổ rộng từ 350mm-750mm, độ dày từ 0,8mm – 1,8mm.

ERW Cold rolled coils comply with GB11253; JIS G3141 width from 350mm to 750mm, wall thickness from 0.8 to 1.8 mm.

PRODUCTION PROCESS

Quy trình sản xuất

Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE đã xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 nhằm mục đích cung cấp thép có chất lượng cao, ổn định thỏa mãn nhu cầu của khách hàng, tuân theo các tiêu chuẩn Quốc gia và Quốc tế.

Vietnam Germany Steel Pipe Joint Stock Company quality control built and operates by standard of ISO 9001:2008. Our goal are producing high quality steel to meet customers demands within domestic and International standards.

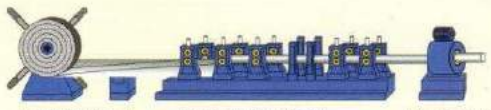

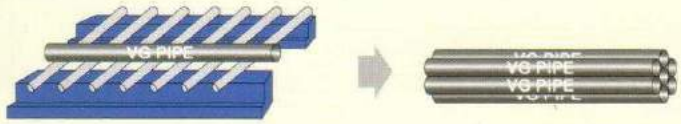

Kiểm tra và sơn mác
Inspection & marking

Đóng bó
Bundling

BTS
BAO TIN STEEL CO.,LTD
www.thepbaotin.com.vn
THÉP BẢO TÍN
GIÁP VĂN TRƯỜNG
0932 059 176

PRODUCTS sản phẩm

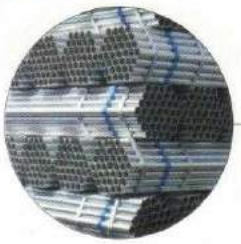

Ống thép mạ kẽm nhúng nóng

HOT-DIP GALVANIZED STEEL PIPE

Ống thép tròn hàn đen

BLACK WELDED STEEL PIPE

Ống thép tròn tôn mạ kẽm

ZINC-COATED ROUND STEEL PIPE

Ống thép đen vuông và chữ nhật

BLACK SQUARE AND RECTANGULAR HOLLOW SECTION STEEL PIPE

Ống thép vuông, chữ nhật tôn mạ kẽm

ZINC-COATED SQUARE AND RECTANGULAR HOLLOW SECTION STEEL PIPE

Tôn cuộn cán nguội mặt đen

COLD ROLLED COILS

Tôn cuộn mạ kẽm

GALVANIZED ROLLED COILS

SPECIAL PRODUCTS
Sản phẩm đặc biệt

VG PIPE tự hào là đơn vị sản xuất được Ống thép hàn đen và Ống thép mạ kẽm cỡ lớn từ 141.3mm đến 219.1mm, độ dày lên đến 9.52mm, được sản xuất theo tiêu chuẩn Mỹ ASTM A53.

VGPIPE is proud of mill produce big black round pipe and big hot-dip Galvanized pipe from 141.3mm to 219.1mm, wall thickness up to 9.52 mm comply with ASTM A53.

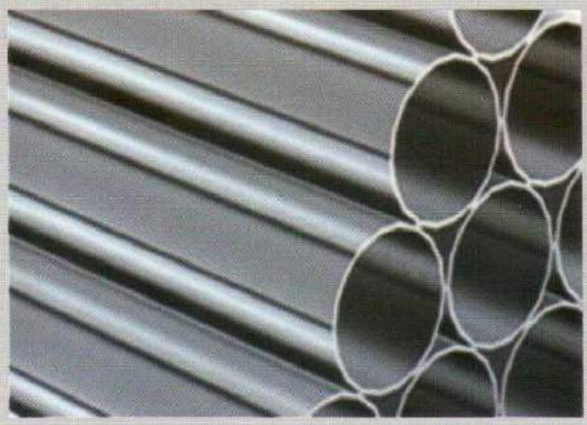

Ống thép hàn đen
Black welded steel pipes

Ống thép mạ kẽm
Galvanized steel pipe

BTS
BAO TIN STEEL CO.,LTD
www.thepbaotin.com.vn
THÉP BẢO TÍN
GIÁP VĂN TRƯỜNG
0932 059 176

Ứng dụng sản phẩm
APPLICATIONS

Ứng dụng làm hệ thống cấp thoát nước
Applications in water supply

Ứng dụng làm ống dẫn nước
Applications Aquaducts

Ống thép hàn đen: Sử dụng trong xây dựng cơ bản, làm dàn giáo, trong các ứng dụng cơ khí, rào chắn, nội thất, ô tô, xe máy.

Black round pipe are applied for basic construction, to put up scaffolding, mechanics, fences, furniture, auto, motorbike

Ống thép mạ kẽm nhúng nóng: Sử dụng rộng rãi đối với ngành nước, ống dẫn, luồn cáp.

Hot-dip Galvanized steel pipe are applied for water apply, conduits, lay a cable

Ứng dụng làm cầu đường
Applications do Bridges

Ứng dụng làm rào chắn
Applications Fencing

Ống thép hộp vuông, chữ nhật: Ứng dụng trong xây dựng, cơ khí và các mục đích khác.

Square and rectangular pipe are applied for construction, mechanics, other goals

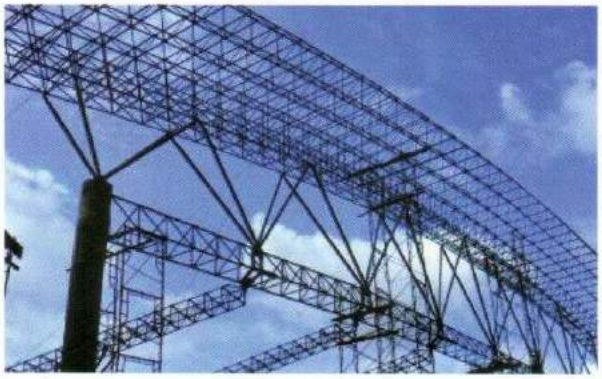

Ứng dụng làm giàn không gian
Application The space frame

Ứng dụng trong nội thất
Applications the space frame

Ống thép cỡ lớn: ứng dụng làm ống cứu hỏa, dẫn dầu.

Big steel pipe are applied for fire pipe, conduits

Ứng dụng làm lan can cầu thang
Applications do handrail

Ống tôn mạ kẽm: Ứng dụng làm rào chắn, xây dựng cơ khí...

Zinc-coated steel pipe are applied for fences, construction and mechanics

Ứng dụng trong phòng cháy chữa cháy
Application of fire protection

CÔNG TY TNHH THÉP BẢO TÍN
Mã Số Thuế: 0311458762
Trụ sở chính: 136 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Cửa hàng: 100 Trần Thị Cờ, Phường Thới An, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Email: thepbaotin@gmail.com Tel: (08) 6259 3033 Fax: (08) 6259 3038

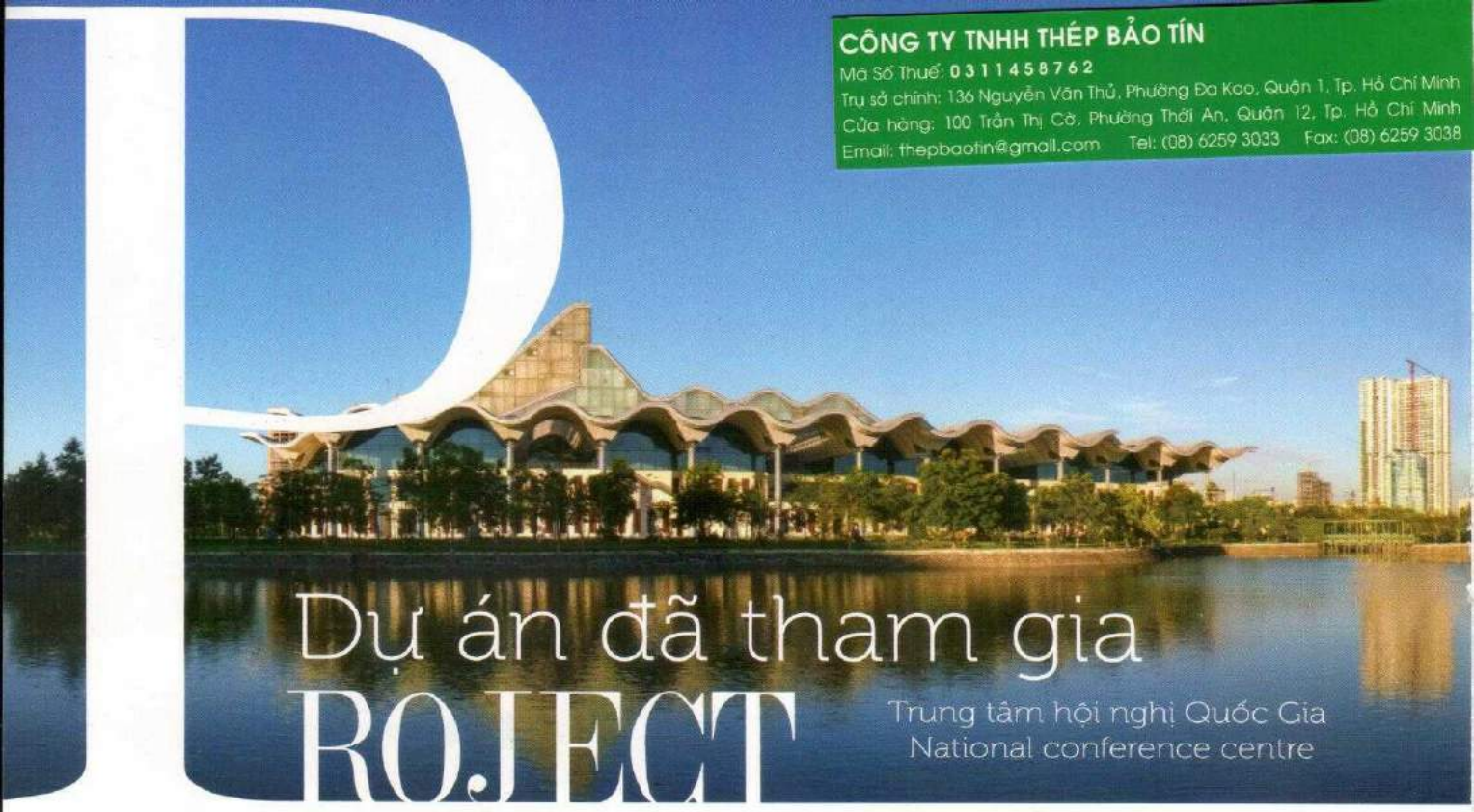

Dự án đã tham gia
ROJECT

Trung tâm hội nghị Quốc Gia
National conference centre

Nhà ga T2 Nội Bài
NoiBai T2 terminal

Văn phòng Quốc Hội
Parliament building

Dự án Formosa – Hà Tĩnh
Formosa – Ha Tinh

Dự án Samsung Thái Nguyên
Thai Nguyen Samsung

Dự án Cầu Nhật Tân
Nhat Tan Bridge

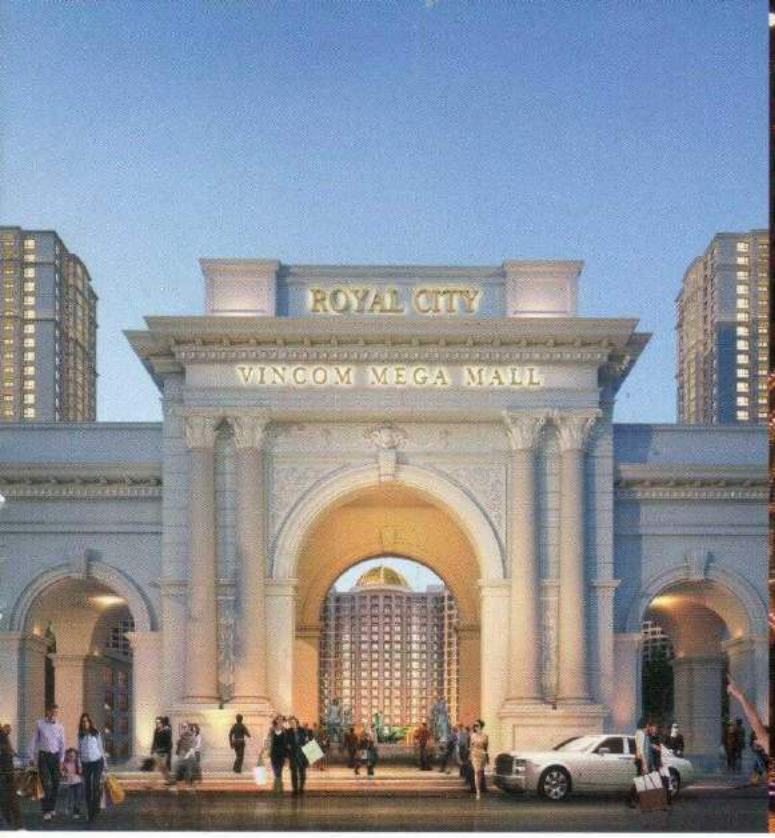

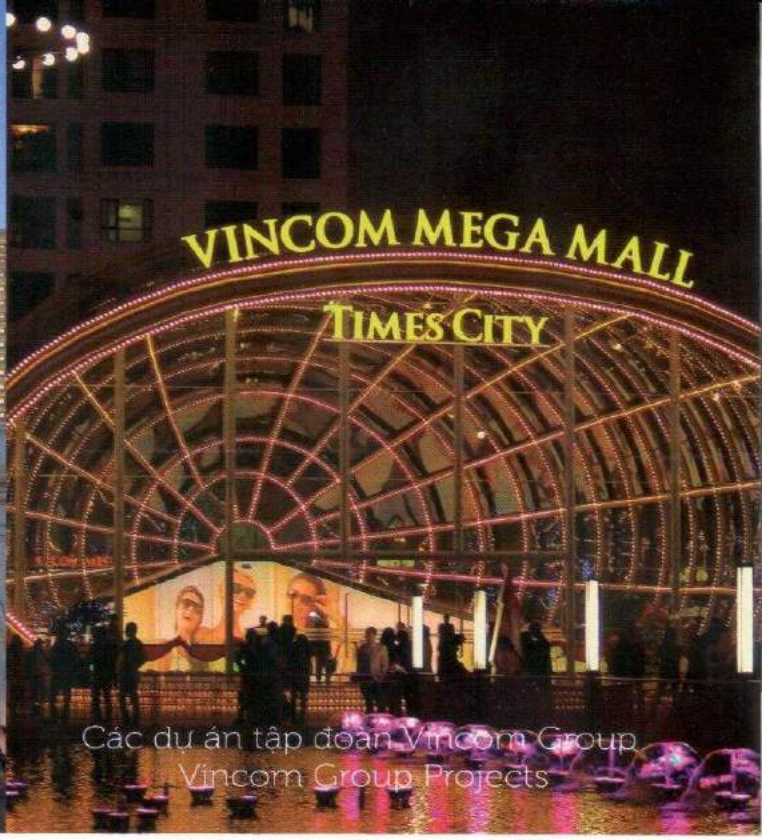

Các dự án tập đoàn Vincom Group
Vincom Group Projects

Dự án cao tốc Hà Nội - Lào Cai
Highway Ha Noi - Lao Cai

Dự án Cầu Thanh Trì
Thanh Tri Bridge

Dự án đường
cao tốc Hà Nội – Hải Phòng
Highway Hanoi – Haiphong

Dự án đường sắt trên cao
Hà Đông – Cát Linh
Cat Linh- Ha Dong railway

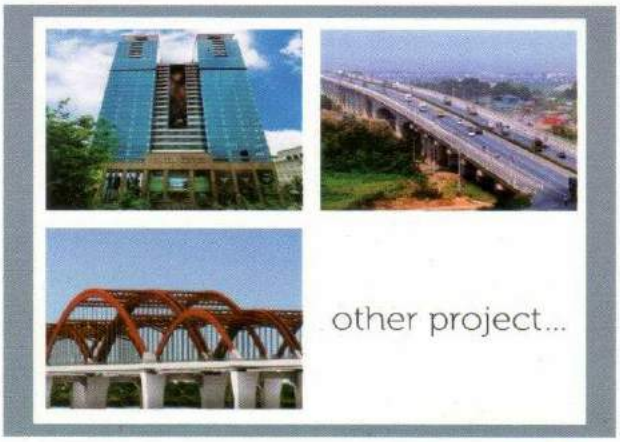

Và nhiều các dự án Tòa nhà cao tầng,
cầu đường khác...
And many other project...

CERTIFICATE
Chứng nhận

DNV·GL

MANAGEMENT SYSTEM CERTIFICATE

This is to certify that the management system of

Vietnam Germany Steel Joint Stock Corporation

Binh Xuyen Industrial Zone, Binh Xuyen District, Vinh Phuc Province, Vietnam

has been found to conform to the Quality management system standard:

ISO 9001:2008

This certificate is valid for the following Scope:

Manufacture and supply of hot dipped galvanized steel pipes, hot dipped galvanized cold rolled steel coils and deformed steel bar.

IAF

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC VG PIPE

"DOANH NGHIỆP VÌ NGƯỜI LAO ĐỘNG" NĂM 2014

Certificate

CÔNG TY THÉP VIỆT ĐỨC

VIETNAM GERMANY STEEL MILL JOINT STOCK COMPANY

Thương Hiệu Mạnh Việt Nam 2014

Vietnam Excellent Brand 2014

CERTIFICATE

VIETNAM GERMANY STEEL PIPE JOINT STOCK COMPANY

ASTM A53/A53M-12

GIẤY CHỨNG NHẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC - VGPIPE

ASTM A53/A53M-12

CERTIFICATE

VIETNAM GERMANY STEEL PIPE JOINT STOCK COMPANY

ASTM A500/A500M-13

GIẤY CHỨNG NHẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC - VGPIPE

ASTM A500/A500M-13

GIẤY CHỨNG NHẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC - VGPIPE

BS 1387:1985

CERTIFICATE

VIETNAM GERMANY STEEL PIPE JOINT STOCK COMPANY

BS 1387:1985

CERTIFICATE

VIETNAM GERMANY STEEL PIPE JOINT STOCK COMPANY

BS EN 10255:2004

GIẤY CHỨNG NHẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC - VGPIPE

BS EN 10255:2004

BTS
BAO TIN STEEL CO.,LTD
www.thepbaotin.com.vn
THÉP BẢO TÍN
GIÁP VĂN TRƯỜNG
0932 059 176

A Thành tựu CHIEVEMENT

BTS
BAO TIN STEEL CO.,LTD
www.thepbaotin.com.vn
THÉP BẢO TÍN
GIÁP VĂN TRƯỜNG
0932 059 176

AVAILABLE SIZE RANGE & UNIT WEIGHT

Bảng quy chuẩn trọng lượng

KÍCH THƯỚC TRỌNG LƯỢNG VÀ ÁP LỰC THỬ ỐNG THÉP ĐEN VÀ ỐNG THÉP MẠ KẼM (TIÊU CHUẨN ASTM A53)

Dimension, weight and test pressure for black steel pipe and hot dipped galvanized steel pipe ASTM A53 grade A

ĐƯỜNG KÍNH NGOÀI (OUT SIZE DIAMETER)	KÍCH THƯỚC THÔNG THƯỜNG (NORMAL SIZE)	ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (DN DESIGNATOR)	ĐỘ DÀY THÀNH ỐNG (WALL THICKNESS)	TRỌNG LƯỢNG (WEIGHT)		THỬ ÁP LỰC (TEST PRESSURE GRADE A)		SỐ CÂY/BÓ (PIECES/BUNDLE)
mm	inch	mm	mm	kg/m	kg/cây(6m)	at	kPa	Cây/bó
21.3	1/2	15	2.77	1.27	7.62	48	4800	168
26.7	3/4	20	2.87	1.69	10.14	48	4800	113
33.4	1	25	3.38	2.50	15.00	48	4800	80
42.2	1 1/4	32	3.56	3.39	20.34	83	8300	61
48.3	1 1/2	40	3.68	4.05	24.3	83	8300	52
60.3	2	50	3.91	5.44	32.64	159	15900	37
73	2 1/2	65	5.16	8.63	51.78	172	17200	27
88.9	3	80	5.49	11.29	67.74	153	15300	24
101.6	3 1/2	90	3.18	7.72	46.32	77	7700	16
			3.96	9.53	57.18	67	6700	
			4.78	11.41	68.46	117	11700	
114.3	4	100	3.18	8.71	52.26	69	6900	16
			3.96	10.78	64.68	86	8600	
			4.78	12.91	77.46	103	10300	
			5.56	14.91	89.46	121	12100	
			6.02	16.07	96.42	131	13100	
141.3	5	125	3.96	13.41	80.46	70	7000	10
			4.78	16.09	96.54	84	8400	
			5.56	18.61	111.66	98	9800	
			6.55	21.77	130.62	115	11500	
168.3	6	150	3.96	16.05	96.30	67	6700	7
			4.78	19.27	115.62	70	7000	
			5.56	22.31	133.86	82	8200	
			6.35	25.36	152.16	94	9400	
			7.11	28.26	169.56	105	10500	
219.1	8	200	3.96	21.01	126.06	49	4900	7
			4.78	25.26	151.56	54	5400	
			5.16	27.22	163.32	59	5900	
			5.56	29.28	175.68	63	6300	
			6.35	33.31	199.86	72	7200	
			7.04	36.31	217.86	78	7800	
			7.92	41.24	247.44	90	9000	
			8.18	42.55	255.30	92	9200	

Dung sai đường kính ngoài: +/-1%
Dung sai về trọng lượng: +/-10%
Dung sai chiều dày thành ống: +/-10%

Tolerance of outside diameter: +/-1%
Tolerance of weight: +/-10%
Tolerance of wall thickness: +/-10%

CÔNG TY TNHH THÉP BẢO TÍN
Mã Số Thuế: **0311458762**
Trụ sở chính: 136 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Cửa hàng: 100 Trần Thị Cờ, Phường Thới An, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Email: thepbaotin@gmail.com Tel: (08) 6259 3033 Fax: (08) 6259 3038

BẢNG QUY CHUẨN TRỌNG LƯỢNG ỐNG THÉP TÔN MẠ KẼM

Available size ranges & unit weight pre-galvanized steel pipe

Dung sai đường kính ngoài ±1%
Tolerance of outside diameter ±1%

Đơn vị tính : Kg/cây
Unit: kg/pc

TT		Kích thước Dimension (mm)	Số Cây/bó Pcs/bundle	Chiều dầy thành ống (mm) / Wall thickness (mm)										
				1,0	1,1	1,2	1,4	1,5	1,8	2,0	2,2	2,3	2,4	2,5
1	Φ	21,2	168	2,99	3,27	3,55	4,10	4,37	5,17					
2	Φ	26,65	113	3,80	4,16	4,52	5,23	5,58	6,62					
3	Φ	33,5	80	4,81	5,27	5,74	6,65	7,10	8,44					
4	Φ	42,2	61	6,10	6,69	7,28	8,45	9,03	10,76					
5	Φ	48,1	52	6,97	7,65	8,33	9,67	10,34	12,33					
6	Φ	59,9	37		9,57	10,42	12,12	12,96	15,47					
7	Φ	75,6	27				15,37	16,45	19,66	21,78	23,89			
8	Φ	88,3	24				18,00	19,27	23,04	25,54	28,03	29,27		
9	Φ	113,5	16						29,75	33,00	36,23	37,84	39,45	
10	□	13 x 26	50	3,45	3,77	4,08	4,70	5,00						
11	□	14 x 14	100	2,41	2,63	2,84	3,25	3,45						
12	□	16 x 16	100	2,79	3,04	3,29	3,78	4,01						
13	□	20 x 20	100	3,54	3,87	4,20	4,83	5,14	6,05	6,63				
14	□	20 x 40	50	5,43	5,94	6,46	7,47	7,97	9,44	10,40	11,34			
15	□	25 x 25	64	4,48	4,91	5,33	6,15	6,56	7,75	8,52	9,27	9,64	10,00	10,36
16	□	25 x 50	50	6,84	7,50	8,15	9,45	10,09	11,98	13,23	14,45	15,05	15,65	16,25
17	□	30 x 30	49	5,43	5,94	6,46	7,47	7,97	9,44	10,40	11,34	11,80	12,26	12,72
18	□	30 x 60	32	8,25	9,05	9,85	11,43	12,21	14,53	16,05	17,56	18,30	19,05	19,78
19	□	40 x 40	25	7,31	8,02	8,72	10,11	10,80	12,83	14,17	15,48	16,14	16,78	17,43
20	□	40 x 80	32		12,16	13,24	15,38	16,45	19,61	21,70	23,77	24,80	25,83	26,85
21	□	50 x 50	25		10,09	10,98	12,74	13,62	16,22	17,94	19,63	20,47	21,31	22,14
22	□	50 x 100	18				19,34	20,69	24,70	27,36	29,99	31,30	32,61	33,91
23	□	60 x 60	25		12,16	13,24	15,38	16,45	19,61	21,70	23,77	24,80	25,83	26,85
24	□	60 x 120	18						29,79	33,01	36,21	37,80	39,39	40,98
25	□	75 x 75	16						24,70	27,36	29,99	31,30	32,61	33,91
26	□	90 x 90	16						29,79	33,01	36,21	37,80	39,39	40,98

Dung sai trọng lượng: +/-8%
Dung sai chiều dày thành ống: +/-8%

Tolerance of weight: +/-8%
Tolerance of wall thickness: +/-8%

CÔNG TY TNHH THÉP BẢO TÍN
Mã Số Thuế: 0311458762
Trụ sở chính: 136 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Cửa hàng: 100 Trần Thị Cờ, Phường Thới An, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Email: thepbaotin@gmail.com Tel: (08) 6259 3033 Fax: (08) 6259 3038

BẢNG QUY CHUẨN TRỌNG LƯỢNG ỐNG THÉP TRÒN ĐEN

Available size range & unit weight: Round black complies with BS 1387: 1985

(Tiêu chuẩn Anh Quốc BS 1387: 1985)

Dung sai đường kính ngoài: ± 1%
Tolerance of outside diameter: ± 1%

Đơn vị tính: Kg/cây
Unit: *Kg/pc*

Độ dày (wall thickness - mm) / Đường kính ngoài (Outside Dimension (mm))	0.7	0.8	0.9	1.0	1.1	1.2	1.4	1.5	1.8	2.0	2.2	2.3	2.4	2.5	2.8	3.0	3.1	3.4	3.5	3.7	3.8	4.0	4.3	4.4	5.0
12.7	1.24	1.41	1.57	1.73	1.89	2.04	2.34	2.49																	
13.8	1.36	1.54	1.72	1.89	2.07	2.24	2.57	2.73																	
15.9	1.57	1.79	2.00	2.20	2.41	2.61	3.00	3.20	3.76																
19.1	1.91	2.17	2.42	2.68	2.93	3.18	3.67	3.91	4.61																
20.4	2.04	2.32	2.60	2.87	3.14	3.41	3.94	4.19	4.95	5.45															
21.2	2.12	2.41	2.70	2.99	3.27	3.55	4.10	4.37	5.17	5.68		6.43	6.68	6.92											
22.0	2.21	2.51	2.81	3.11	3.40	3.69	4.27	4.55	5.38	5.92	6.45	6.70	6.96	7.21											
22.2	2.23	2.53	2.84	3.14	3.43	3.73	4.31	4.59	5.43	5.98	6.51	6.77													
25.0	2.52	2.86	3.21	3.55	3.89	4.23	4.89	5.22	6.18	6.81	7.42	7.73													
25.4	2.55	2.91	3.26	3.61	3.96	4.30	4.97	5.30	6.29	6.92	7.55	7.86		8.47											
26.0	2.62	2.98	3.34	3.70	4.05	4.40	5.10	5.44	6.45	7.10	7.75	8.07													
26.65	2.69	3.06	3.43	3.80	4.16	4.52	5.23	5.58	6.62	7.29	7.96	8.29	8.61	8.93											
28.0	2.83	3.22	3.61	4.00	4.38	4.76	5.51	5.88	6.98	7.69	8.40	8.75	9.09	9.43											
31.8	3.22	3.67	4.12	4.56	5.00	5.43	6.30	6.73	7.99	8.82	9.64	10.04	10.44	10.84	12.02	12.78									
32.0	3.24	3.69	4.14	4.59	5.03	5.47	6.34	6.77	8.04	8.88	9.70	10.11	10.51	10.91											
33.5	3.40	3.87	4.34	4.81	5.27	5.74	6.65	7.10	8.44	9.32	10.19	10.62	11.04	11.47	12.72	13.54	13.94	15.14							
35.0	3.55	4.05	4.54	5.03	5.52	6.00	6.96	7.44	8.84	9.77	10.68	11.13	11.58	12.02	13.34	14.21	14.63	15.90							
38.1			4.95	5.49	6.02	6.55	7.60	8.12	9.67	10.68	11.69	12.18	12.68	13.17	14.63	15.58	16.05	17.46							
40.0			5.21	5.77	6.33	6.89	8.00	8.55	10.17	11.25	12.31	12.83	13.35	13.87	15.41	16.42	16.93	18.41							
42.2			5.50	6.10	6.69	7.28	8.45	9.03	10.76	11.90	13.02	13.58	14.13	14.69	16.32	17.40	17.94	19.52	20.04	21.08	21.59				
48.1			6.29	6.97	7.65	8.33	9.67	10.34	12.33	13.64	14.94	15.59	16.23	16.87	18.77	20.02	20.64	22.49	23.10	24.31	24.91				
50.3				7.29	8.01	8.72	10.13	10.83	12.92	14.29	15.66	16.34	17.01	17.68	19.68	21.00	21.65	23.60	24.24	25.51	26.15	27.40			
50.8				7.37	8.09	8.81	10.23	10.94	13.05	14.44	15.82	16.51	17.19	17.87	19.89	21.22	21.88	23.85	24.50	25.79	26.43	27.70			
59.9					9.57	10.42	12.12	12.96	15.47	17.13	18.78	19.60	20.42	21.23	23.66	25.26	26.05	28.42	29.21	30.77	31.54	33.08			
63.5							12.86	13.76	16.43	18.20	19.96	20.83	21.70	22.57	25.15	26.86	27.71	30.24	31.07	32.74	33.57	35.22	37.67	38.48	43.28
75.6							15.37	16.45	19.66	21.78	23.89	24.95	26.00	27.04	30.16	32.23	33.26	36.32	37.34	39.36	40.37	42.38	45.37	46.36	52.23
88.3							18.00	19.27	23.04	25.54	28.03	29.27	30.51	31.74	35.42	37.87	39.08	42.71	43.92	46.32	47.51	49.90	53.45	54.62	61.63
101.6									26.58	29.48	32.36	33.79	35.23	36.66	40.93	43.77	45.18	49.40	50.81	53.60	54.99	57.77	61.91	63.28	71.47
113.5									29.75	33.00	36.23	37.84	39.45	41.06	45.86	49.05	50.64	55.39	56.97	60.11	61.68	64.81	69.48	71.03	80.27

Dung sai chiều dày thành ống: +/-8%
Dung sai về trọng lượng: +/-8%

Tolerance of wall thickness: +/-8%
Tolerance of weight: +/-8%

CÔNG TY TNHH THÉP BẢO TÍN
Mã Số Thuế: 0311458762
Trụ sở chính: 136 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Cửa hàng: 100 Trần Thị Cờ, Phường Thới An, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Email: thepbaotin@gmail.com Tel: (08) 6259 3033 Fax: (08) 6259 3038

BẢNG QUY CHUẨN TRỌNG LƯỢNG ỐNG THÉP VUÔNG – CHỮ NHẬT

Available size range & unit weight: Square & rectangular hollow section comply with KS D3568:1986, ASTM A500

(Tiêu chuẩn Hàn Quốc KS D3568: 1986, Mỹ ASTM A500)

Dung sai đường kính ngoài: ± 1%
Tolerance of outsite diameter: ± 1%

Đơn vị tính: Kg/cây (6m)
Unit: *Kg/pc (6m)*

Kích thước Dimension (mm)	Số cây/bó Pcs(6m)/ bundle	Chiều dầy thành ống (mm) / Wall thickness (mm)																							
		0.7	0.8	0.9	1.0	1.1	1.2	1.4	1.5	1.8	2.0	2.2	2.3	2.4	2.5	2.8	3.0	3.1	3.4	3.5	3.7	3.8	4.0	4.5	5.0
☐ 12 x 12	100	1.47	1.66	1.85	2.03	2.21	2.39	2.79	2.88																
☐ 12 x 32	90	2.79	3.17	3.55	3.92	4.29	4.65	5.36	5.71	6.73	7.39														
☐ 14 x 14	100	1.74	1.97	2.19	2.41	2.63	2.84	3.25	3.45																
☐ 15 x 15	100	1.87	2.12	2.36	2.60	2.84	3.07	3.51																	
☐ 16 x 16	100	2.00	2.27	2.53	2.79	3.04	3.29	3.78	4.01																
☐ 19 x 19	100	2.40	2.72	3.04	3.35	3.66	3.97	4.57	4.86																
☐ 20 x 20	100	2.53	2.87	3.21	3.54	3.87	4.20	4.83	5.14	6.05	6.63														
☐ 20 x 25	64	2.86	3.25	3.63	4.01	4.39	4.76	5.49	5.85	6.90	7.57														
☐ 20 x 30	50	3.19	3.62	4.06	4.48	4.91	5.33	6.15	6.56	7.75	8.52	9.27	9.64	10.00	10.36	11.42									
☐ 20 x 40	50	3.85	4.38	4.90	5.43	5.94	6.46	7.47	7.97	9.44	10.40	11.34	11.80	12.26	12.72	14.05	14.92								
☐ 25 x 25	64	3.19	3.62	4.06	4.48	4.91	5.33	6.15	6.56	7.75	8.52	9.27	9.64	10.00	10.36	11.42									
☐ 25 x 50	50		5.51	6.18	6.84	7.50	8.15	9.45	10.09	11.98	13.23	14.45	15.05	15.65	16.25	18.01	19.16								
☐ 30 x 30	49	3.85	4.38	4.90	5.43	5.94	6.46	7.47	7.97	9.44	10.40	11.34	11.80	12.26	12.72	14.05	14.92								
☐ 30 x 60	32			7.45	8.25	9.05	9.85	11.43	12.21	14.53	16.05	17.56	18.30	19.05	19.78	21.97	23.40								
☐ 38 x 38	25			6.26	6.93	7.60	8.27	9.58	10.23	12.15	13.41														
☐ 40 x 40	25			6.60	7.31	8.02	8.72	10.11	10.80	12.83	14.17	15.48	16.14	16.78	17.43	19.33	20.57								
☐ 40 x 80	32					12.16	13.24	15.38	16.45	19.61	21.70	23.77	24.80	25.83	26.85	29.88	31.88	32.87	35.82	36.79	38.73	39.69			
☐ 40 x 100	18							18.02	19.27	23.01	25.47	27.92	29.14	30.35	31.56	35.15	37.53	38.71	42.23	43.39	45.70	46.85	49.13		
☐ 50 x 50	25					10.09	10.98	12.74	13.62	16.22	17.94	19.63	20.47	21.31	22.14	24.60	26.23	27.03	29.41	30.20					
☐ 50 x 100	18							19.34	20.69	24.70	27.36	29.99	31.30	32.61	33.91	37.79	40.36								
☐ 60 x 60	25					12.16	13.24	15.38	16.45	19.61	21.70	23.77	24.80	25.83	26.85	29.88	31.88	32.87	35.82	36.79	38.73	39.69			
☐ 60 x 120	18									29.79	33.01	36.21	37.80	39.39	40.98	45.70	48.83	50.39	55.04	56.58	59.64	61.17	64.21	71.72	79.13
☐ 75 x 75	16									24.70	27.36	29.99	31.30	32.61	33.91	37.79	40.36			46.69		50.43	52.90	59.01	65.00
☐ 90 x 90	16									29.79	33.01	36.21	37.80	39.39	40.98	45.70	48.83	50.39	55.04	56.58	59.64	61.17	64.21	71.72	79.13
☐ 100x100	16										36.78	40.35	42.14	43.91	45.69	50.98	54.49			63.17		68.33	71.74	80.20	88.55

Dung sai chiều dày thành ống: +/-8%
Dung sai về trọng lượng: +/-8%

Tolerance of wall thickness: +/-8%
Tolerance of weight: +/- 8%

CÔNG TY TNHH THÉP BẢO TÍN
Mã Số Thuế: 0311458762
Trụ sở chính: 136 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Cửa hàng: 100 Trần Thị Cờ, Phường Thới An, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Email: thepbaotin@gmail.com Tel: (08) 6259 3033 Fax: (08) 6259 3038

BẢNG QUY CHUẨN TRỌNG LƯỢNG ỐNG THÉP MẠ KẼM

Available size range & unit weight: Hot-dipped Galvanized Steel Pipe Complies with BS 1387 - 1985

(Tiêu chuẩn Anh Quốc BS 1387 - 1985)

Dung sai đường kính ngoài: ± 1%

Tolerance of outside diameter:

Đường kính ngoài (mm) Outside Diameter (mm)	Đường kính danh nghĩa Nominal Diameter (mm)		Chiều dài (mm) Length (mm)	Số cây/bó Pcs (6m) /bundle	Class BS - A1				Class BS - LIGHT				Class BS - MEDIUM			
	inch	mm			Độ dầy/ Wall thickness	Kg/m	Kg/cây Kg/pcs	Kg/bó Kg/bundle	Độ dầy/ Wall thickness	Kg/m	Kg/cây Kg/pcs	Kg/bó Kg/bundle	Độ dầy/ Wall thickness	Kg/m	Kg/cây Kg/pcs	Kg/b Kg/bun
ϕ 21.2	1/2"	15	6.000	168	1.9	0.914	5.484	921	2.0	0.947	5.682	955	2.6	1.210	7.260	1.220
ϕ26.65	3/4"	20	6.000	113	2.1	1.284	7.704	871	2.3	1.381	8.286	936	2.6	1.560	9.360	1.058
ϕ33.5	1"	25	6.000	80	2.3	1.787	10.722	858	2.6	1.981	11.886	951	3.2	2.410	14.400	1.157
ϕ42.2	1-1/4"	32	6.000	61	2.3	2.260	13.560	827	2.6	2.540	15.240	930	3.2	3.100	18.600	1.135
ϕ48.1	1-1/2"	40	6.000	52	2.5	2.830	16.980	883	2.9	3.230	19.380	1008	3.2	3.570	21.420	1.114
ϕ59.9	2"	50	6.000	37	2.6	3.693	22.158	820	2.9	4.080	24.480	906	3.6	5.030	30.180	1.117
ϕ75.6	2-1/2"	65	6.000	27	2.9	5.228	31.368	847	3.2	5.710	34.260	925	3.6	6.430	38.580	1.042
ϕ88.3	3"	80	6.000	24	2.9	6.138	36.828	884	3.2	6.720	40.32	968	4.0	8.370	50.220	1.205
ϕ113.5	4"	100	6.000	16	3.2	8.763	52.578	841	3.6	9.570	58.500	936	4.5	12.200	73.200	1.171

Dung sai chiều dày thành ống: +/-8%

Dung sai về trọng lượng: +/-8%

Tolerance of wall thickness: +/-8%

Tolerance of weight: +/- 8%

OTHER PRODUCTS
Các lĩnh vực khác của công ty

Ngoài sản phẩm chính của Công ty là Ống thép, Công ty còn có sản phẩm thép xây dựng gồm thép tròn trơn cuộn D6-D8; và thép đốt D10 – D51 do Công ty thành viên THÉP VIỆT ĐỨC thực hiện, với công suất 350.000 tấn/năm.

Beside pipe steel products, We have other products as wire rod D6-D8, Deformed bar D10- D42 of Vietnam Germany steel mill joint stock company with annual capacity 350,000 tons.

Thép cây (Rebar)

Thép cuộn (Roll Steel)

Tòa nhà VIETDUC FINANCIAL BUILDING tại thành phố Vĩnh Yên với diện tích sàn 6.000m2 bao gồm khu căn hộ cao cấp và khu văn phòng cho thuê. Khách hàng cho thuê Công ty hướng tới là người nước ngoài đang sống và làm việc tại Vĩnh Phúc và các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tài chính như như Ngân hàng, kiểm toán, bảo hiểm.

Viet Duc financial building at Vinh Yen City was built on 6,000 m2 include high-grade apartment area and offices for lease. VGP heads custom as foreigners are working and living at VinhPhuc and for many company to operate in the bank, finances, insurances.

DISTRIBUTION NETWORK
Mạng lưới phân phối

Với hệ thống phân phối rộng khắp từ Bắc vào Nam, Ống Thép Việt Đức tự tin đưa sản phẩm ống thép chất lượng cao đến tận tay người tiêu dùng trên mọi miền đất nước.

With a wide network of distribution system covered throughout the country, VG PIPE is confident enough to put steel pipe products to the hand of customer natiowide.

Ngoài ra, Ống Thép Việt Đức còn xuất khẩu sản phẩm ống thép sang các thị trường như Bắc Mỹ, Châu Âu, Châu Úc..... bởi các đối tác nhập khẩu có uy tín.

Furthermore, VG PIPE has been exporting to America, EU, Oceanian....by well-known partners.

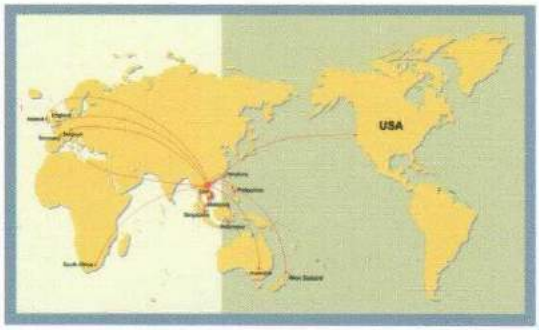

VG PIPE®

ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC

ĐẲNG CẤP CHÂU ÂU

VIETNAM GERMANY STEEL PIPE.J.S.C

EUROPEAN STANDARD

TRỤ SỞ CHÍNH (Head quarter)

- Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, Vĩnh Phúc (Binhxuyen Industrial Zone, VinhPhuc Province).
- Tel: +84 (0211) 3887 863 * Fax: +84 (0211) 3887 912
- Website: www.vgpipe.com.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI HÀ NỘI (Hanoi representative office)

- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà SIMCO, đường Phạm Hùng, Hà Nội (3th floor, SIMCO building, Phamhung street, Hanoi).
- Tel: +84 (04) 3785 0088 * Fax: +84 (04) 3785 0066

BTS BAO TIN STEEL CO.,LTD www.thepbaotin.com.vn

THÉP BẢO TÍN

GIÁP VĂN TRƯỜNG

0932 059 176

CÔNG TY TNHH THÉP BẢO TÍN

Mã Số Thuế: 0311458762

Trụ sở chính: 136 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Cửa hàng: 100 Trần Thị Cờ, Phường Thới An, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Email: thepbaotin@gmail.com Tel: (08) 6259 3033 Fax: (08) 6259 3038

BTS BAO TIN STEEL CO.,LTD www.thepbaotin.com.vn

THÉP BẢO TÍN

PHÒNG KINH DOANH

0909 500 176 - 0909 323 176

CÔNG TY TNHH THÉP BẢO TÍN

Mã Số Thuế: 0311458762

Trụ sở chính: 136 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Cửa hàng: 100 Trần Thị Cờ, Phường Thới An, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Email: thepbaotin@gmail.com Tel: (08) 6259 3033 Fax: (08) 6259 3038